TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 8 – 2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 473/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1997; địa chỉ: số nhà B, ấp P, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ liên hệ: số E, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Yến N1, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày*, do tự tìm hiểu, ông N và bà N1 kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/01/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà N1; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 11/01/2018 do Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Yến N1 và ông Nguyễn Hữu N.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Yến N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Yến N1 do tự tìm hiểu, rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/01/2018, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau và ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Do tình cảm không còn nên ông N yêu cầu ly hôn với bà N1.

Nhận thấy, việc mâu thuẫn của ông N và bà N1 phát sinh từ năm 2021 và đã ly thân từ năm 2022 đến nay, cả hai không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng và trong quá trình giải quyết vụ án ông N, bà N1 không tạo điều kiện để hàn gắn, nên có cơ sở xác định mâu thuẫn của vợ chồng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N đối với bà N1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu N đối với bà Nguyễn Thị Yến N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Hữu N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Yến N1. Đồng thời, bà N1 cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Yến N1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà N1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông N và bà N1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà N1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông N xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm và không còn sống chung từ năm 2022 đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông N và bà N1 thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà N1 nhưng bà N1 không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông N, bà N1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N đối với bà N1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà N1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Yến N1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 11/01/2018 do Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp cho ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị Yến N1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Hữu N xác định, ông N và bà Nguyễn Thị Yến N1 không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015635 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2024; ông Nguyễn Hữu N đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Yến N1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm của ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Yến N1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy